

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

A. Giới thiệu chung về dự án và gói thầu

Nội dung chính của gói thầu là: Mua xăng dầu nhằm phục vụ các xe cơ giới của Bộ CHQS tỉnh Ninh Bình

- **Tên gói thầu:** Gói thầu 01: Mua sắm xăng dầu theo ngân sách phân cấp năm 2026
- **Nguồn vốn:** Ngân sách Nhà nước
- **Chủ đầu tư:** Bộ CHQS tỉnh Ninh Bình
- **Địa điểm thực hiện:** Kho xăng dầu Bộ CHQS tỉnh Ninh Bình
- **Hình thức lựa chọn nhà thầu:** Đấu thầu rộng rãi
- **Phương thức lựa chọn nhà thầu:** Một giai đoạn một túi hồ sơ.
- **Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu:** Quý II/2026
- **Loại hợp đồng:** Đơn giá điều chỉnh
- **Thời gian thực hiện hợp đồng:** 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

B. Yêu cầu về kỹ thuật

1. Phạm vi cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan (nếu có)

- Đơn vị tính trong giao nhận lít ở nhiệt độ 15oC;
- Lấy mẫu thử: Theo TCVN 6777:2007 (ASTM D 4057-06);
 - Phương pháp, dụng cụ đo tính, xác định thể tích (lít): Tuân theo tiêu chuẩn ngành TCN 01:2000 “nhiên liệu dầu mỏ thể lỏng, quy tắc giao nhận” ban hành kèm theo quyết định số: 1783/2000/QĐ-BTM ngày 26/12/2000 của Bộ Thương mại (Viết tắt là TCN 01:2000) và theo quy định hiện hành của Nhà nước và Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương);
 - Nhà thầu vận chuyển hàng hóa tới địa điểm cung cấp theo yêu cầu của Chủ đầu tư;
 - Phương pháp tính quy đổi từ lượng xăng thực tế về số lượng xăng ở lít 15oC. Theo Văn bản số 1287/TĐC-HCHQ ngày 17/5/2018 của Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng.
 - Đơn giá ở nhiệt độ thực tế: Theo khung giá cơ sở do Bộ Tài chính và Công thương công bố tại Thông cáo báo chí của Petrolimex về việc điều chỉnh giá xăng dầu. Yêu cầu nhà thầu trình bày bảng giá dự thầu chi tiết, nộp bản giấy để Chủ đầu tư sẽ xem chi tiết thành dự thầu của nhà thầu.

1.2.2. Yêu cầu chung

- Hàng hóa phải được sản xuất từ năm 2025 trở về sau với đầy đủ thông số kỹ thuật, xuất xứ, thương hiệu, mã hiệu, nhãn mác, hãng sản xuất, thời gian bảo hành hàng hóa phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật tại Chương này;

- Hàng hóa cung cấp đúng chủng loại, đủ số lượng theo phạm vi cung cấp của gói thầu và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật chi tiết, tiêu chuẩn trong E-HSMT.

- Nhà thầu chịu trách nhiệm bảo quản và vận chuyển hàng hóa đến địa điểm thực hiện, hướng dẫn và bàn giao cho Chủ đầu tư đưa vào sử dụng, công việc chỉ được coi là hoàn thành khi hai bên ký biên bản bàn giao đưa vào sử dụng theo đúng quy định của pháp luật; chi phí vận chuyển, kiểm tra, thử nghiệm, lắp đặt, và bàn giao hàng hóa do nhà thầu chi trả.

- Giải pháp kỹ thuật, biện pháp cung cấp, lắp đặt hàng hóa nhà thầu phải cung cấp: Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa; Biện pháp tổ chức đảm bảo chất lượng hàng hóa cung cấp; An toàn lao động và vệ sinh môi trường; Biện pháp kiểm tra và nghiệm thu bàn giao.

- Toàn bộ những trường hợp hỏng hóc, không đúng, không đủ thông số kỹ thuật sẽ được nhà thầu thay thế trong thời gian bảo hành và nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm chi trả các chi phí.

- Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ thông tin của hàng hóa chào thầu: Thông số kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng, thương hiệu, mã hiệu, hãng sản xuất, ... Tất cả các hàng hóa chào thầu phải đạt tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo pháp luật hiện hành quy định, bảo đảm an toàn cho người sử dụng.

- Nhà thầu phải cung cấp phiếu kiểm tra chất lượng sản phẩm của từng đợt giao hàng.

- Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính hợp pháp của toàn bộ hàng hoá cung cấp. Trường hợp xảy ra bất kỳ khiếu kiện liên quan đến hàng hoá mà nhà thầu cung cấp thì Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư nếu trường hợp xảy ra tranh chấp, khiếu kiện.

Trong trường hợp có yêu cầu, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu chứng nhận xuất xứ hàng hóa, tài liệu chứng nhận chất lượng hàng hóa hoặc chứng nhận phân tích đối với các hàng hóa Nhà thầu đã cung cấp.

- Thu hồi; đổi trả: Nhà thầu chịu toàn bộ trách nhiệm bồi thường mọi thiệt hại trong trường hợp hàng hóa đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng, không sử dụng được, có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của bên mời thầu hoặc phát hiện nguồn gốc, xuất xứ của hàng hóa không hợp pháp.

- Nhà thầu phải xây dựng bảng tiến độ cung cấp hàng hóa chi tiết phù hợp với yêu cầu của E-HSMT.

- Nhà thầu phải có đề xuất giải pháp cho việc bảo hành hàng hóa cung cấp.

- Thời gian hỗ trợ kỹ thuật trong thời gian bảo hành là 08 giờ/ngày, 07 ngày/tuần, thời gian có mặt là 08 giờ sau khi nhận được thông báo của chủ đầu tư. Kênh tiếp nhận thông báo và hỗ trợ: điện thoại, email, hỗ trợ trực tiếp tại địa điểm sử dụng. Yêu cầu nhà thầu cung cấp thông tin liên hệ theo các kênh đã quy định.

- Có hợp đồng bảo hiểm hàng hóa tối thiểu bằng 100% giá trị tham dự thầu.

- Nhà thầu phải cam kết cho Chủ đầu tư gửi hàng đến hết 31/12/2026. Nhà thầu có trách nhiệm bảo quản hàng hóa, sẵn sàng giao hàng khi có yêu cầu giao hàng từ Chủ đầu tư tất cả các ngày trong tuần trừ ngày nghỉ, ngày lễ.

1. Chỉ tiêu chất lượng cơ bản của xăng E5 RON 92-II (Theo TCVN 8063:2015)

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Chỉ tiêu lý hóa
1	Trị số octan theo phương pháp nghiên cứu (RON), min	TCVN 2703 (ASTM D 2699)	90/92/95
2	Hàm lượng chì, g/L, max	TCVN 7143 (ASTM D3237)	0,013
3	Thành phần cất phân đoạn: - Điểm sôi đầu, °C - 10% thể tích, °C max - 50% thể tích, °C - 90% thể tích, °C max - Điểm sôi cuối, °C max - Cận cuối, % thể tích max	TCVN 2698 (ASTM D86)	Báo cáo 70 Max. 120 190 215 2,0
4	Ăn mòn mảnh đồng ở 50°C/3 h, max	TCVN 2694 (ASTM D 130)	Loại I
5	Hàm lượng nhựa thực tế (đã rửa dung môi), mg/100 mL, max	TCVN 6593 (ASTM D 381)	5
6	Độ ổn định oxy hóa, phút, min	TCVN 6778 (ASTM D 525)	480
7	Hàm lượng lưu huỳnh, mg/kg, max	TCVN 6701 ASTM D 2622 TCVN 7760 ASTM D 5453	500
8	Áp suất hơi (Reid) ở 37,8°C, kPa	TCVN 7023 (ASTM D 4953); ASTM D 5191	Từ 43 đến 80
9	Hàm lượng Benzen, % thể tích, max	TCVN 3166 ASTM D 5580 TCVN 6703 ASTM D 3606	2,5
10	Hydrocarbon thơm, % thể tích, max	TCVN 7330 ASTM D 1319	40

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Chỉ tiêu lý hóa
11	Hàm lượng olefin, % thể tích, max	TCVN 7330 ASTM D 1319	38
12	Hàm lượng ôxy, % khối lượng, max	TCVN 7332 ASTM D 4815	3,7
13	Hợp chất oxygenat % thể tích - Etanol - Metanol - Iso-propyl ancol, max - Iso-butyl ancol, max - Tert-butyl ancol, max - Ete (nguyên tử C \geq 5), max Riêng MTBE, max - Keton	TCVN 7332 ASTM D 4815	Từ 4 đến 5 KPH 10,0 10,0 7,0 15,0 10,0 KPH
14	Khối lượng riêng ở 15°C, kg/m ³	TCVN 6594 ASTM D 1298 TCVN 8314 ASTM D 4052	Báo cáo
15	Tổng hàm lượng kim loại (Fe, Mn), mg/L max	TCVN 7331 ASTM D 3831	5
16	Ngoại quan	TCVN 7759 ASTM D 4176	Trong suốt, không có nước tự do và tạp chất

2. Chỉ tiêu chất lượng cơ bản của Diesel 0.05S-II (Theo TCVN 5689:2018)

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Chỉ tiêu lý hóa
1	Hàm lượng lưu huỳnh, mg/kg, max	TCVN 6701 (ASTM D 2622) TCVN 7760 (ASTM D 5453) TCVN 3172 (ASTM D 4294)	500
2	Cetan, min - Trị số cetan - Chỉ số cetan	TCVN 7630 (ASTM D 613) TCVN 3180 (ASTM D 4737)	46 46
3	Nhiệt độ cất, °C, max - 90% thể tích thu hồi - 95% thể tích thu hồi	TCVN 2698 (ASTM D 86)	360 -
4	Điểm chớp cháy cốc kin, °C, min	TCVN 6608 (ASTM D 3828) TCVN 2693 (ASTM D 93)	55
5	Độ nhớt động học ở 40°C, mm ² /s	TCVN 3171 (ASTM D 445)	2,0 - 4,5
6	Cặn cacbon của 10% cặn chung cất, % khối lượng, max	TCVN 6324 (ASTM D189) TCVN 7865 (ASTM D4530)	0,30
7	Điểm cháy (điểm đông đặc), °C, max		

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Chỉ tiêu lý hóa
	- Mùa hè - Mùa đông	TCVN 3753 (ASTM D97) ASTM D 5950 ASTM D 6749	+ 12 +3
8	Hàm lượng tro, % khối lượng, max	TCVN 2690 (ASTM D 482)	0,01
9	Hàm lượng nước, mg/kg, max	TCVN 3182 (ASTM D 6304)	200
10	Tạp chất dạng hạt, mg/l, max max	TCVN 2706 (ASTM D 6217)	10
11	Ăn mòn mảnh đồng ở 50°C /3h, max	TCVN 2694 (ASTM D 130)	Loại I
12	Khối lượng riêng ở 15°C, kg/m ³	TCVN 6594 (ASTM D 1298) TCVN 8314 (ASTM D 4052)	820-860
13	Độ bôi trơn, μm. max	TCVN 7758 (ASTM D 6079) TCVN12016 (ASTM D 7688)	460
14	Hàm lượng hydrocacbon thơm đa vòng (PAH), % khối lượng, max	TCVN 11587 (ASTM D 5186) TCVN 11589 (ASTM D 6591)	-
15	Ngoại quan	TCVN 7759 (ASTM D 4176)	Sạch, trong, không quan sát thấy có nước tự do và tạp chất

3. Các yêu cầu khác:

Ghi chú về giá trị dự gói thầu: Giá xăng dầu hiện nay trên thị trường là giá thay đổi biến đổi liên tục theo tình hình xăng dầu thế giới, vì thời gian cung cấp là trong 30 ngày, giá xăng dầu có biến động. Giá gói thầu là dựa trên Thông cáo báo chí số 27/2026/PLX-TCBC: Petrolimex điều chỉnh giá xăng dầu từ 15 giờ 00 phút ngày 07/5/2026. Sau khi triển khai hợp đồng, giá của xăng dầu thay đổi theo thời gian giao hàng, thì Chủ đầu tư sẽ yêu cầu sẽ phải Điều chỉnh Khối lượng thay đổi theo giá xăng dầu thị trường cho phù hợp với tổng giá trị gói thầu.

Nhà thầu có cam kết với nội dung như sau: Nhà thầu cam kết sẽ điều chỉnh khối lượng hàng hóa để phù hợp với Giá trị gói thầu vì Giá trị dự thầu và ký hợp đồng của gói thầu là không đổi trong quá trình triển khai hợp đồng. Nếu không có cam kết, hồ sơ dự thầu sẽ **không đạt**.

a. Giá ký hợp đồng

Giá trị ký hợp đồng sẽ là giá trị nhà thầu dự thầu. Và trong thời gian triển khai, giá Xăng dầu theo thị trường thay đổi thì sẽ điều chỉnh lại đơn giá và khối lượng để tổng giá trị hợp đồng không đổi.

4. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

Các hàng hóa đưa đến nơi cung cấp kiểm tra, nghiệm thu đưa vào sử dụng.